|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT ……..  **Mã đề ….**  **TỔ …….**  *(Đề kiểm tra có ... trang)* | **KIỂM TRA GIỮA KỲ I, NĂM HỌC 2023-2024**  **MÔN: CÔNG NGHỆ 11**  *Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề* |

Họ và tên học sinh:………………………………. Lớp:……………

**I. Phần trắc nghiệm** *(7,0 điểm)*

**Câu 1.** Vai trò của chăn nuôi với phát triển kinh tế là

**A.** cung cấp sức kéo, phân bón cho trồng trọt, cung cấp nguyên liệu cho chế biến, xuất khẩu.

**B.** cung cấp nguồn thực phẩm cho con người.

**C.** giúp sản xuất ra các sản phẩm công nghiệp, cơ khí.

**D.** đảm bảo sức khỏe cho vật nuôi, cây trồng.

**Câu 2.** Ứng dụng công nghệ gene sẽ giúp các nhà chọn giống

**A.** thay đổi gene của vật nuôi từ đó tạo ra đàn vật nuôi mới.

**B.** phát hiện sớm giới tính của vật nuôi nhờ đó chủ động lựa chọn giới tính của phôi theo nhu cầu sản xuất.

**C.** tăng nhanh số lượng đàn vật nuôi.

**D.** giảm bớt sức lao động cho con người.

**Câu 3.** Nếu không xử lý tốt chất thải chăn nuôi sẽ gây ra hậu quả gì?

**A.** Ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới sức khỏe con người và chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

**B.** Ảnh hưởng tới cảnh quan môi trường.

**C.** Gây ô nhiễm môi trường đất, nước.

**D.** Lãng phí nguồn tài nguyên phục vụ cho sản xuất.

**Câu 4.** Nghề chăn nuôi là nghề

**A.** thực hiện các công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi, quản lí hoạt động chăn nuôi và đưa ra những hướng dẫn kĩ thuật.

**B.** thực hiện công việc bảo vệ sức khỏe vật nuôi thông qua phòng bệnh, khám bệnh và chữa bệnh.

**C.** thực hiện việc nghiên cứu, chọn lọc và tạo ra các giống vật nuôi có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao.

**D.** thiết kế, xây dựng chuồng trại, sản xuất thức ăn chăn nuôi.

**Câu 5.** Dựa vào phân loại theo nguồn gốc, vật nuôi có thể chia thành những nhóm nào?

**A.** 3 nhóm chính là: Vật nuôi bản địa, vật nuôi lai tạo, vật nuôi ngoại nhập.

**B.** 2 nhóm chính là: Vật nuôi bản địa, vật nuôi ngoại nhập.

**C.** 3 nhóm chính là: Vật nuôi bản địa, vật nuôi nhập nội, vật nuôi cải tiến.

**D.** 2 nhóm chính: Vật nuôi cải tiến và vật nuôi ngoại nhập.

**Câu 6.** Phân loại theo đặc tính sinh vật học, gà, vịt được gọi là

**A.** gia súc.  **B.** thủy sản.  **C.** gia cầm.  **D.** vật nuôi đẻ trứng.

**Câu 7.** Bò được gọi là gia súc nhai lại là thuộc kiểu phân loại nào dưới đây?

**A.** Phân loại theo vùng miền.  **B.** Phân loại theo nguồn gốc.

**C.** Phân loại theo mục đích sử dụng.  **D.** Phân loại theo đặc tính sinh vật học.

**Câu 8.** Hình thức chăn nuôi nào có đặc điểm “ Luôn đảm bảo hài hòa về lợi ích của người chăn nuôi, người tiêu dùng, vật nuôi và bảo vệ môi trường”?

**A.** Chăn nuôi công nghiệp.  **B.** Chăn nuôi thông minh.

**C.** Chăn nuôi bền vững.  **D.** Chăn thả tự do.

**Câu 9.** Xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới là

1. Chăn thả tự do. 2. Chăm nuôi công nghiệp.

3. Chăn nuôi thông minh. 4. Chăn nuôi bền vững

Những ý đúng là?

**A.** 1, 3, 4. **B.** 2, 3, 4. **C.** 3,4. **D.** 1, 2, 3, 4.

**Câu 10.** Các vật nuôi sau: bò sữa, khỉ làm xiếc, chó cảnh,…thuộc cách phân loại nào?

**A.** Phân loại theo vùng miền. **B.** Phân loại theo nguồn gốc.

**C.** Phân loại theo mục đích sử dụng. **D.** Phân loại theo đặc tính sinh vật học.

**Câu 11**. Dựa vào nguồn gốc, giống vật nuôi được chia thành:

**A.** Giống nội và giống nhập nội.

**B.** Giống chuyên dụng và giống kiêm dụng.

**C.** Giống nguyên thủy, giống quá độ, giống gây thành.

**D.** Giống nguyên thủy, giống chuyên dụng.

**Câu 12.** Giống vật nuôi quyết định đến

**A.** Điều kiện nuôi dưỡng. **B.** Nhân giống, chọn lọc vật nuôi.

**C.** Chọn lọc vật nuôi. **D.** Năng suất, chất lượng sản phẩm.

**Câu 13.** Nếu nuôi gà với mục đích đẻ trứng, em sẽ lựa chọn giống gà nào sau đây?

**A.** Ai Cập. **B.** Ri. **C.** Mía. **D.** Leghorn.

**Câu 14.** Để phân loại giống vật nuôi có thể phân loại dựa theo:

1.Địa lý. 2.Nguồn gốc. 3.Mức độ hoàn thiện của giống.

4.Hình thái, ngoại hình. 5.Mục đích khai thác.

Những cách phân loại đúng là:

**A.** 1,2,3. **B.** 2,3,5. **C.** 2,3,4. **D.** 1,3,5.

**Câu 15.** Các chỉ tiêu cơ bản dùng để chọn lọc vật nuôi là

**A.** ngoại hình, thể chất, sức sản xuất.

**B.** ngoại hình, thể chất, sinh trưởng, phát dục.

**C.** sinh trưởng, phát dục, khả năng sản xuất.

**D.** ngoại hình, thể chất, sinh trưởng, phát dục, khả năng sản xuất.

**Câu 16.** Ưu điểm của phương pháp chọn lọc cá thể là

**A.** dễ tiến hành. **B.** không đồi hỏi kĩ thuật cao.

**C.** không tốn kém. **D.** hiệu quả chọn lọc cao.

**Câu 17.** Chọn giống vật nuôi là

**A.** lựa chọn và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính tốt, phù hợp với mục đích của chăn nuôi và mong muốn của người chọn giống, đồng thời thải loại các cá thể không đạt yêu cầu.

**B.** tạo ra và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính tốt, phù hợp với mục đích của chăn nuôi và mong muốn của người chọn giống, đồng thời thải loại các cá thể không đạt yêu cầu.

**C.** lựa chọn và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính có lợi cho bản thân vật nuôi, giúp cho vật nuôi thích nghi tốt với môi trường.

**D.** tạo ra và giữ lại làm giống những cá thể mang đặc tính có lợi cho bản thân vật nuôi, giúp cho vật nuôi thích nghi tốt với môi trường.

**Câu 18.** Phát biểu nào dưới đây **không** **đúng** khi nói về phương pháp chọn lọc hàng loạt?

**A.** Phương pháp áp dụng khi cần chọn lọc nhiều cá thể vật nuôi để làm giống trong một thời gian ngắn.

**B.** Phương pháp dễ tiến hành, không đồi hỏi kỹ thuật cao, không tốn kém, phù hợp với trình độ còn thấp về công tác chọn giống.

**C.** Phương pháp cho hiệu quả chọn lọc thường không cao và không ổn định.

**D.** Phương pháp chọn ra một hay một số cá thể biểu hiện các đặc điểm phù với mục tiêu đặt ra của giống.

**Câu 19.** Phát biểu nào dưới thể hiện điểm giống nhau giữa sinh trưởng và phát dục?

1. Tạo nên sự phát triển chung của cơ thể.

2. Giúp vật nuôi tăng lên về khối lượng, kích thước các cơ quan, bộ phận trong cơ thể.

3. Là căn cứ quan trọng để đánh giá chọn lọc vật nuôi.

4. Tạo ra sự thay đổi về chất của các cơ quan, bộ phận trong cơ thể vật nuôi.

Chọn đáp án **đúng** :

**A.** 1,2. **B.** 1,3. **C.** 2,4. **D.** 3,4.

**Câu 20.** Khả năng làm việc, khả năng sinh sản, khả năng cho thịt, sữa, trứng… được gọi là

**A.** ngoại hình. **B.** khả năng sản xuất.

**C.** thể chất. **D.** khả năng sinh trường, phát dục.

**Câu 21.** “Cho các cá thể đực và cá thể cái thuộc hai loài khác nhau giao phối với nhau”. Đây là phương pháp gì?

**A.** Lai kinh tế. **B.** Lai xa. **C.** Lai cải tạo. **D.** Lai cải tiến.

**Câu 22.** Tất cả con lai dùng làm thương phẩm, không dùng làm giống. Đây là mục đích của phương pháp nhân giống nào?

**A.** Lai kinh tế. **B.** Lai xa. **C.** Lai cải tạo. **D.** Lai cải tiến.

**Câu 23.** Chọn **đáp án đúng**?

**A.** Lai xa là phương pháp cho lai giữa hai cá thể đực và cái thuộc hai giống khác nhau.

**B.** Lai kinh tế là phương pháp cho lai giữa hai cá thể đực và cái thuộc hai giống khác nhau và con lai dùng làm giống.

**C.** Nhân giống thuần chủng là cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc cùng một giống thuần chủng.

**D.** Lai giống là cho giao phối giữa con đực và con cái thuộc các giống khác nhau nhằm bảo tồn các giống vật nuôi quý hiếm.

**Câu 24.** Để phát triển số lượng của giống nhập nội và củng cố các đặc tính mong muốn của giống gây thành nên sử dụng phương pháp nào?

**A.** Nhân giống thuần chủng. **B.** Lai xa. **C.** Lai kinh tế. **D.** Lai cải tạo.

**Câu 25.** Ý nào sau đây **không thuộc** mục đích của phương pháp nhân giống thuần chủng?

**A.** Để thiết lập và duy trì các tính trạng ổn định mà con vật sẽ truyền cho các thế hệ tiếp theo.

**B.** Phát triển, khai thác ưu thế của các giống vật nuôi nội.

**C.** Phát triển về số lượng đối với giống nhập nội

**D.** Nhằm phát triển ưu thế lai

**Câu 26.** Các công nghệ sinh học được ứng dụng trong nhân giống vật nuôi bao gồm?

**A.** Thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cấy truyền phôi, nhân bản vô tính.

**B.** Thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cấy truyền phôi, nuôi cấy gen

**C.** Thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cấy truyền phôi, nhân bản gen

**D.** Thụ tinh nhân tạo, thụ tinh trong ống nghiệm, cấy truyền phôi, cấy truyền ADN.

**Câu 27.** Công nghệ xác định giới tính của phôi có ý nghĩa gì?

**A.** Xác định giới tính trước khi cấy. **B.** Tạo nhiều phôi.

**C.** Phổ biến nhanh đặc tính tốt của cá thể. **D.** Nâng cao năng suất sinh sản.

**Câu 28.** Trình tự các bước trong công nghệ cấy truyền phôi ở vật nuôi.

1. Cấy phôi đã chịu tác động ở bước 2 vào tử cung của các động vật nhận phôi để các động vật này mang thai và sinh con.

2. Tách lấy phôi từ động vật cho phôi.

3. Sử dụng các biện pháp để tác động vào phôi đó trước khi chuyển vào cơ thể nhận.

Đáp án **đúng** là:

**A**. 1,2,3. **B**. 2.1.3.  **C.** 2,3,1. **D.** 3,2,1.

**II. Phần tự luận** *(3,0 điểm)*

**Câu 1.** *(2,0 điểm)* Em hãy cho biết người lao động làm việc làm việc trong các ngành nghề chăn nuôi cần có những yêu cầu cơ bản nào? Liên hệ với bản thân và cho biết em có phù hợp với các ngành nghề chăn nuôi không? Vì sao?

**Câu 2.** *(1,0 điểm)* Ở địa phương em đang sử dụng phương thức chăn nuôi nào? Hãy đề xuất phương thức chăn nuôi phù hợp cho một đối tượng vật nuôi cụ thể ở địa phương em?

***------ HẾT ------***

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| **Đáp án** | A | B | A | A | B | C | D | C | C | C | A | D | A | B |
|  | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Câu** | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| **Đáp án** | D | D | A | D | B | B | B | A | C | A | D | A | A | B |

**Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm.**

**PHẦN TỰ LUẬN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **(2 điểm)** | **\* Những yêu cầu cơ bản của người lao động làm việc làm việc trong các ngành nghề chăn nuôi:**  - Có sức khỏe tốt, chăm chỉ, chịu khó và có trách nhiệm cao trong công việc.  - Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về chăn nuôi.  - Có khả năng sử dụng, vận hành các thiết bị, máy móc trong chăn nuôi.  - Tuân thủ an toàn lao động, có ý thức bảo vệ môi trường trong chăn nuôi…  **\* Liên hệ với bản thân**  (HS liên hệ được với bản thân và giải thích hợp lý có thể cho điểm tối đa) | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **1,0** |
| **Câu 2**  **(1 điểm)** | **\* Các phương thức chăn nuôi chủ yếu được sử dụng ở địa phương:**  **\* Đề xuất phương thức chăn nuôi phù hợp cho một đối tượng vật nuôi cụ thể ở địa phương**  (HS lựa chọn đúng các phương thức chăn nuôi ở địa phương đang thực hiện có thể lựa chọn các đáp án sau:Chăn thả tự do, chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi bán công nghiệp, chăn nuôi bền vững).  ***Có thể tham khảo đáp án sau:***  \* Chăn nuôi ở đia phương em chủ yếu vẫn là chăn thả tự do, phương thức đó tuy là chi phí không nhiều nhưng vật nuôi có năng suất không cao, người dân khó kiểm soát được dịch bệnh. Ngoài ra những chất thải từ quá trình chăn nuôi gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường.  \* Đề xuất phương thức chăn nuôi phù hợp cho một đối tượng vật nuôi cụ thể.  - Về chuồng trại: Chuyển đổi sang chăn nuôi gia súc nhốt chuồng. Thiết kế phù hợp từng đối tượng và giai đoạn vật nuôi đảm bảo cho vật nuôi sinh trưởng, sinh sản tốt. Có hệ thống xử lý chất thải, không xả thải trực tiếp ra môi trường tránh bị lây nhiễm bệnh từ môi trường hoặc vật nuôi khác.  - Về thức ăn và nước uống: Cung cấp nguồn thức ăn chăn nuôi đảm bảo chất lượng, dinh dưỡng, phù hợp với từng lứa tuổi của gia cầm. Cung cấp đủ nước uống sạch và bổ sung thêm các loại Vitamin, khoáng chất để nâng cao khả năng phòng chống dịch bệnh cho gia cầm.  - Chủ động phòng bệnh bằng vắc xin:  + Đối với đàn trâu bò tiêm phòng vacxin bệnh huyết trùng, lở mồm long móng, Bệnh giun đũa ở bê nghé  - Đảm bảo các biện pháp cách ly và vệ sinh sát trùng: Nên bố trí các khu chăn nuôi riêng cho từng loại, từng giống; không nuôi chung nhiều lứa, nhiều loại trong một khu chuồng nuôi và sân chơi nhằm giảm sự lây nhiễm chéo giữa các con vật nuôi. | **0,5**  **0,5** |